

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-PT

Ngày: 20 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương;

Ông Trần Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 403/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trần Tấn Th; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 453/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Tấn Th, sinh năm 1970 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Số 10/2, Tổ 21, Khu phố 6, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị L; có vợ tên Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1978; có 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Trước tháng 8 năm 2013, Trần Tấn Th là bộ đội giữ chức vụ Trưởng ban Bảo mật, lưu trữ, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng. Trong thời gian công tác, Th photocopy 02(hai) Quyết định tạm giao đất không (chưa điền thông tin về người được giao và thửa đất), photocopy chữ ký của Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành – Tư lệnh Quân đoàn 4 và đóng dấu đỏ của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng vào phần người ký quyết định rồi đem cất giấu. Đến ngày 01/8/2013, Th nghỉ hưu về sinh sống tại khu phố 6, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Vào ngày 20/11/2018, Phạm Minh S, sinh năm 1989, ngụ tại Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua lô đất số 25, A7, diện tích 111m² thuộc khu gia đình cán bộ Quân đoàn 4 tại Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B của Nguyễn Duy Bá với giá 1.520.000.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng), đất có Quyết định tạm giao đất số: 3626 ngày 27/3/2005 mang tên người được giao đất là Trần Văn Đạt, chữ ký mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành và đóng dấu Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng. Khi mua đất, S yêu cầu Bá đổi Quyết định tạm giao đất đứng tên của S. Bá nhờ Phan Văn Đức, sinh năm 1962, ngụ tại 52 lô A6, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B làm thủ tục cấp đổi Quyết định tạm giao đất từ tên Trần Văn Đạt qua tên Phạm Minh S với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau đó, Đức nhờ Trần Xuân Chiêu – sinh năm 1976, ngụ tại 42 Lô A6, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B thực hiện với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Chiêu lại nhờ Lê Đăng H, sinh năm 1976, ngụ tại 58, Lô A8, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B thực hiện.

Khoảng cuối tháng 11 năm 2018 (không rõ ngày cụ thể), H mang Quyết định tạm giao đất số: 3626 mang tên người được giao đất là Trần Văn Đạt đến nhờ Trần Tấn Th làm thủ tục cấp đổi Quyết định tạm giao đất đứng tên Phạm Minh S, Th đồng ý. Sau đó, Th tự điền tên Phạm Minh S và các thông tin tương ứng vào 01 bản Quyết định tạm giao đất để trống mà Th cất giấu trước đó (viết các thông tin giống như trong Quyết định tạm giao đất số 3626 mang tên người được giao đất Trần Văn Đạt, chỉ khác tên người được cấp đất là Phạm Minh S) rồi đưa cho H. H trả công cho Th 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Đến ngày 02/03/2019, Phạm Minh S bán lô đất nêu trên cho bà Vũ Thị L – sinh năm 1963, ngụ 64/C8, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B với

giá 1.555.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng) và thỏa thuận S làm thủ tục đổi lại Quyết định tạm giao đất đứng tên bà L. S nhờ Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1980, ngụ tại 72B3, Khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố B làm thủ tục đổi Quyết định tạm giao đất S tên bà L với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau đó, Quý nhờ H làm thủ tục đổi Quyết định tạm giao đất S tên bà L với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Trong tháng 3 năm 2019 (không rõ ngày cụ thể), H mang Quyết định tạm giao đất mang tên Phạm Minh S (do Th làm trước đó) đến nhờ Th làm thủ tục cấp đổi Quyết định tạm giao đất S tên bà L, Th đồng ý. Sau đó, Th tự điền tên Vũ Thị L và các thông tin tương ứng vào 01 bản Quyết định tạm giao đất để trống còn lại mà Th cất giấu trước đó (viết các thông tin giống như trong Quyết định tạm giao đất số 3626 mà Th đã làm trước đó, chỉ khác tên người được cấp đất là Vũ Thị L) rồi đưa cho H. H trả công cho Th 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Đến tháng 5 năm 2019, bà L phát hiện có người xây nhà trên lô đất nêu trên. Qua tìm hiểu, nghi bị lừa mua đất có giấy tờ giả nên bà L đến Công an tỉnh Đồng Nai tố giác Phạm Minh S.

Sau khi thụ lý, giải quyết tố giác của bà L, ngày 29/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã khởi tố vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã tách chuyển nguồn tin Trần Tấn Th làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trần Tấn Th khai nhận hành vi phạm tội như trên.

2. Vật chứng vụ án:

- 01 (một) Quyết định tạm giao đất số 3626 ngày 27/3/2005 mang tên người được giao đất là Vũ Thị L có chữ ký photo mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành và đóng dấu đỏ của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng (do Th làm giả - Lưu trong hồ sơ vụ án);

- 01 (một) Quyết định tạm giao đất số 3626 ngày 27/3/2005 mang tên người được giao đất là Phạm Minh S, đã bị cắt góc phần người ký quyết định và đóng mộc (do Th làm giả - Lưu trong hồ sơ vụ án);

- 01 (một) mảnh giấy nhỏ kích thước khoảng 6x7cm có chữ ký photo mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành và đóng dấu đỏ của Bộ Tư lệnh

Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng (là phần cắt ra từ Quyết định tạm giao đất mang tên Phạm Minh S nêu trên. Do Th làm giả - Lưu trong hồ sơ vụ án).

Bản Kết luận giám định số: 1686/KLGD-PC09 ngày 30/8/2021 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Hình dấu tròn Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) do cùng một con dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) có phải do cùng một người ký ra không.

Bản Kết luận giám định số: 1780/KLGD-PC09 ngày 10/9/2021 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai (giám định lại lần 1) kết luận:

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành trên tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) có phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 4 – Bộ Quốc Phòng trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với hình dấu tròn Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 4 – Bộ Quốc Phòng trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M5) do cùng một con dấu đóng ra.

- Bản Kết luận giám định số: 1375/KLGD-PC09 ngày 30/7/2021 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

“+ Chữ viết, chữ số: “3626, CL, 27, 3, 2005, 25, A7, 111, Một trăm mười một, Xây dựng nhà ở cách mép đường 5,5m, Phạm Minh S, Vũ Thị L, Số 25, A7, KP 11, Tân Phong, B, Đồng Nai” trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết, chữ số trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra”.

Bản Kết luận giám định số: 252/C09B ngày 26/3/2021 của Giám định viên Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “ Dấu vết cắt trên mẫu giấy ký hiệu số 1 phù hợp dấu vết cắt trên phần giấy ký hiệu số 2 và được cắt ra từ 01 (một) tờ giấy”.

Công văn số: 481/BTL-CT ngày 26/3/2020 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 – Bộ Quốc phòng trả lời xác minh, nội dung như sau:

1/ Theo hồ sơ lưu trữ và xác minh tại Lữ đoàn 550: Đồng chí Lưu Đình Thắng là quân nhân của đơn vị được cấp thửa đất số 25 lô A7 thuộc khu gia đình cán bộ Quân đoàn 4 tại phường Tân Phong, thành phố B với diện tích là 111m² để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 3424/QĐ ngày 27/3/2005 do Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành, Tư lệnh Quân đoàn 4 ký là đúng. Sau khi cấp thửa đất số 25 lô A7 cho đồng chí Lưu Đình Thắng, Quân đoàn 4 không có chủ trương thu hồi và cấp đổi các quyết định cấp đất đối với thửa đất trên.

2/ Theo quy định soạn thảo văn bản hành chính trong Bộ Quốc phòng, khi ký văn bản phải bảo đảm đầy đủ nội dung và bảo đảm về thể thức văn bản. Vì vậy, không có việc đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành, Tư lệnh Quân đoàn 4, Chủ tịch Hội đồng Nhà đất ký sẵn (mực tươi) các quyết định tạm giao đất khi chưa điền đầy đủ thông tin.

3/ Theo danh sách đăng ký của đơn vị, thửa đất số 25 lô A7 được Quân đoàn 4 cấp cho đồng chí Lưu Đình Thắng, những trường hợp khác không thuộc quân nhân của đơn vị quản lý và không có tên trong danh sách đăng ký được cấp đất.

4/ Theo chức trách, nhiệm vụ được giao, đồng chí Trần Tấn Th, nguyên nhân viên văn thư lưu trữ, nguyên Trưởng ban Bảo mật, lưu trữ, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, không có thẩm quyền làm thủ tục thực hiện việc cấp đổi các quyết định tạm giao đất cho bất kỳ cá nhân nào.

5/ Theo xác minh của Bộ Tham mưu, Quân đoàn 4, thời điểm tháng 3 năm 2005, đơn vị không quản lý (không có tên trong danh sách) quân nhân Trần Văn Đạt sinh năm 1967, cấp bậc Thiếu úy.

Ngày 08/6/2021, Trần Tấn Th đã hỗ trợ, khắc phục hậu quả cho bà Vũ Thị L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 453/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Tấn Th phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án.

4. Kháng cáo:

Ngày 03-10-2022, bị cáo Trần Tấn Th có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án và đề nghị:

Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng là có thiếu sót. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt các quy định của pháp luật; do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Tại cấp sơ thẩm các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Trong quá trình công tác, bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì vào năm 2004, là tình tiết theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51; bị các chủ động bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho người liên quan là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là có thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[3] Về kháng cáo và hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân chưa từng bị kết án; có nơi cư trú ổn định, trong thời gian tại ngoại chấp hành nghiêm quy định của pháp luật, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; do đó, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tấn Th; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 453/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B về hình phạt do khách quan.

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Tấn Th 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú của người được hưởng án treo thì được thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí:

Bị cáo Trần Tấn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân thành phố B (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- UBND phường L, thành phố B;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành - Vũ Thế Phương

Nguyễn Xuân Quang